

*Kế hoạch Chiến lược
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
Giai đoạn 2011-2015*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
GIAI ĐOẠN 2011-2015

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2010

GIỚI THIỆU

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã khẳng định "phát triển giáo dục - đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng cường kinh tế nhanh và bền vững". Với sự khẳng định đó, vai trò quan trọng của giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục đại học nói riêng đã được Đảng và nhà nước ưu tiên và quan tâm hơn bao giờ hết.

Với sứ mạng là một trong những trung tâm đào tạo, nghiên cứu hàng đầu trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, trong những năm qua, ĐHQG-HCM không ngừng phấn đấu để có thể tiếp cận với những giá trị mới về giáo dục, nghiên cứu và quản trị đại học nhằm đạt được mục tiêu tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng trong đào tạo, khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế, góp phần đáp ứng nhu cầu về nhân lực chất lượng cao cho xã hội, chứng minh khả năng đã và đang đuổi kịp các đại học lớn có uy tín trong khu vực và thế giới ở một số lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu mũi nhọn.

Được thành lập vào ngày 27 tháng 01 năm 1995 theo Nghị định 16/CP của Chính phủ trên cơ sở sắp xếp 9 trường đại học lại thành 8 trường đại học thành viên, Đại Học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) chính thức ra mắt vào ngày 6 tháng 02 năm 1996. Năm 2001, ĐHQG-HCM được tổ chức lại theo Quyết định số 16/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, ĐHQG-HCM là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học - công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, đạt trình độ tiên tiến, làm nòng cốt cho hệ thống giáo dục đại học, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Cơ cấu tổ chức của ĐHQG-HCM gồm các trường đại học thành viên,

viện nghiên cứu, khoa đào tạo và các trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đào tạo và dịch vụ trực thuộc. Ngoài ra, ĐHQG-HCM còn thành lập Trường Phổ thông Năng khiếu với trách nhiệm đào tạo học sinh năng khiếu. Đây đã và đang là nguồn sinh viên đầu vào có trình độ giỏi và xuất sắc của ĐHQG-HCM.

Tính đến tháng 6/2010, ĐHQG-HCM đang triển khai 85 ngành đào tạo bậc Đại học, 89 ngành đào tạo Thạc sĩ và 91 ngành đào tạo Tiến sĩ thuộc các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn và khoa học kinh tế cho 472 nghiên cứu sinh, 6.972 học viên cao học, 51.649 sinh viên đại học chính quy, 3.943 sinh viên cao đẳng chính quy, 38.263 sinh viên hệ văn bằng 2, liên thông và vừa làm vừa học, 14.783 sinh viên hệ đào tạo từ xa. Ngoài ra, ĐHQG-HCM cũng đang triển khai hệ đào tạo năng khiếu và dân tộc nội trú cho 1.046 học sinh, sinh viên.

Về đội ngũ nhân sự, ĐHQG-HCM hiện có tổng số cán bộ, viên chức là 4.320 người (với 2.403 cán bộ giảng dạy và 226 nghiên cứu viên, trong đó có 1.899 cán bộ có trình độ sau đại học: 640 Tiến sĩ (15 Giáo sư, 154 Phó giáo sư), 1.259 Thạc sĩ; đội ngũ cán bộ chuyên môn làm công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học tăng hơn 1,3 lần, trong đó số lượng có trình độ sau đại học cũng tăng hơn 1,3 lần so với năm đầu giai đoạn chiến lược 2006 - 2010.

Khuôn viên chính của ĐHQG-HCM được đặt tại Tp. Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương - trung tâm văn hóa, thương mại và công nghiệp lớn và năng động nhất của cả nước. Hiện nay, ĐHQG-HCM đang khẩn trương xây dựng cơ sở mới tại khu quy hoạch Thủ Đức - Dĩ An trên diện tích rộng 643,7 hecta theo mô hình một trung tâm nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao khoa học - công nghệ tiên tiến trong khu vực.

Với quyết tâm khẳng định vị trí là trung tâm đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao làm nòng cốt trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, ĐHQG-HCM luôn nhận thức được trách nhiệm và vai trò quan trọng của mình trong sự nghiệp phát triển giáo dục đại học mà Đảng và Nhà nước đã giao phó. Trong xu thế hội nhập với khu vực và thế giới, ĐHQG-HCM luôn chú trọng chất lượng nghiên cứu và đào tạo, xem đây là một trong những đòn bẩy để thực hiện tốt nhất sứ mệnh của mình. Vì vậy, việc xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến 2020 để phát triển những giá trị quý báu hiện có về học thuật và nghiên cứu khoa học là vô cùng quan trọng và cần thiết.

- Quá trình xây dựng văn bản kế hoạch chiến lược của ĐHQG-HCM
Văn bản kế hoạch chiến lược này được xây dựng trong thời gian 19 tháng (từ tháng 3/2009 đến tháng 10/2010) dưới sự chỉ đạo và định hướng của Hội đồng và Ban Giám đốc ĐHQG-HCM. Trong quá trình xây dựng văn bản kế hoạch chiến lược, ĐHQG-HCM đã tổ chức các hội nghị và hội thảo nhằm thu nhận các ý kiến đóng góp của các tập thể, cá nhân từ các đơn vị thành viên và trực thuộc.

- Giá trị sử dụng của văn bản kế hoạch chiến lược:

- Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2011 - 2015 sẽ là kim chỉ nam cho các hoạt động trọng tâm của ĐHQG-HCM. Việc triển khai hiệu quả và đạt được các mục tiêu chiến lược đưa ra sẽ góp phần quan trọng cho sự phát triển nhanh và bền vững của ĐHQG-HCM trong 5 năm sắp đến;

- Làm cơ sở định hướng cho các hoạt động của các đơn vị thành viên và trực thuộc;

- Làm cơ sở cho việc đổi mới tư duy quản lý và lãnh đạo của các cấp quản lý và là cơ sở để ra các quyết định trong công tác của lãnh đạo các đơn vị;

- Làm cơ sở để giám sát, đánh giá kết quả và điều chỉnh của các mặt hoạt động của ĐHQG-HCM;

- Làm cơ sở để xây dựng các kế hoạch dự phòng nhằm ngăn ngừa các rủi ro có thể xảy ra trong tương lai;

- Xác định các lĩnh vực ưu tiên cho từng giai đoạn phát triển của ĐHQG-HCM.

- Các căn cứ, cơ sở pháp lý xây dựng văn bản kế hoạch chiến lược:

- Thông báo 242-TB/TW ngày 15 tháng 4 năm 2009 về Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020;

- Luật Giáo dục của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Giáo dục sửa đổi (năm 2009) sẽ có hiệu lực từ 1 tháng 7 năm 2010;

- Nghị quyết số 35/2009/QH12 của Quốc hội khóa XII ngày 19/6/2009 về chủ trương, định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP, ngày 2/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020;

- Nghị định số 49/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;
- Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;
- Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;
- Quyết định số 16/2001/QĐ-TTg, ngày 12 tháng 02 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia;
- Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 07 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020;
- Chỉ thị 751/CT-TTg ngày 03/06/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2011 - 2015;
- Chỉ thị số 296/CT-TTg ngày 27/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012;
- Công văn số 3570/BGDĐT-KHTC, ngày 22/06/2010 của Bộ Giáo dục - Đào tạo hướng dẫn xây dựng kế hoạch đào tạo năm 2011 và kế hoạch 5 năm 2011 - 2015;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ ĐHQG-HCM nhiệm kỳ 2011-2015;
- Bối cảnh quốc tế, trong nước, thực trạng và nội lực của ĐHQG-HCM.

TÂM NHÌN - SỨ MẠNG - MỤC TIÊU

Trong định hướng phát triển giáo dục Việt Nam, ĐHQG-HCM có vai trò tiên phong trong công cuộc cải cách giáo dục đại học. ĐHQG-HCM phải là một minh chứng về chất lượng và tính hiệu quả, là hệ quả của quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm xã hội cao.

Một cách tổng quát, vai trò của ĐHQG trong mối quan hệ với các đơn vị thành viên là "tạo một khuôn khổ rõ nét và thống nhất để các thành viên có thể phát huy hiệu quả nhất sức mạnh của mình và tạo nên được sức mạnh tổng hợp". Vai trò này là: "định hướng chung, nâng cao năng lực hệ thống, tạo hiệu quả cộng hưởng, tạo nên giá trị gia tăng, hình thành văn hóa đặc thù ĐHQG, phát triển uy tín, danh tiếng chung cho toàn hệ thống".

Tâm nhìn

ĐHQG-HCM hướng đến xây dựng một hệ thống đại học trong топ đầu Châu Á, nơi hội tụ của khoa học, công nghệ, văn hóa và tri thức Việt Nam.

Sứ mạng

ĐHQG-HCM là nơi tập trung giảng viên, sinh viên tài năng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo ra những công trình nghiên cứu khoa học quan trọng; nơi đi đầu trong đổi mới, đóng góp quan trọng trong công cuộc phát triển đất nước, thúc đẩy tiến bộ xã hội.

ĐHQG-HCM được quản trị, điều hành, quản lý theo mô hình hệ thống đại học mẫu mực với cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao trước xã hội đồng thời tự kiểm soát và xây dựng môi trường sáng tạo khoa học, tự do học thuật trong khu đô thị đại học kiểu mẫu.

Mục tiêu

Giai đoạn 2011-2015, chiến lược ĐHQG TPHCM được phát triển với mục tiêu tổng quát như sau "tạo môi trường và các điều kiện tối ưu để tất cả các thành viên phát triển lợi thế so sánh của mình một cách tốt nhất, trong một hệ thống tuy đa dạng nhưng có cùng định hướng, có liên kết và bổ sung cho nhau".

Hệ thống các giá trị cơ bản

ĐHQG-HCM đang nỗ lực để hình thành một đại học quốc gia mang bản sắc và văn hóa riêng biệt, lấy những giá trị cơ bản của con người làm nền

tăng cho sự phát triển bền vững; đồng thời là nơi nuôi dưỡng những ước mơ, hoài bão được tự do trao đổi, khám phá, sáng tạo khoa học và học tập suốt đời. Dựa trên triết lý giáo dục đó, ĐHQG-HCM hướng tới các giá trị:

- Vì sự phát triển toàn diện của con người, lấy người học làm trung tâm.
- Chất lượng giáo dục luôn là yếu tố quan tâm hàng đầu cho mọi hoạt động.

- Đề cao tính độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu, sáng tạo khoa học.
- Sự liên thông, hợp tác quốc tế là nòng cốt cho sự phát triển.
- Đề cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong công tác quản lý
- Gắn kết và phục vụ cộng đồng.

Phần I.

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC ĐHQG-HCM
GIAI ĐOẠN 2011-2015

I. Tổng quan

Sau 15 năm xây dựng và trưởng thành, ĐHQG-HCM đã trải qua các giai đoạn phát triển khác nhau, bao gồm: Xác lập mô hình (1996-2000); Tạo cơ sở để phát triển (2001-2005); Phát triển và khẳng định (2006 - 2010).

Từ những phân tích đã nêu về môi trường hoạt động và định hướng trong giai đoạn III, ĐHQG-HCM đã hình thành bản kế hoạch chiến lược giai đoạn 2011 - 2015 với các nội dung xuyên suốt là:

1. Định hướng chung cho toàn hệ thống bằng những chính sách thúc đẩy mọi đơn vị trong hệ thống phát huy được thế mạnh của mình; đồng thời huy động sức mạnh của toàn hệ thống để giảm thiểu đến mức tối đa những điểm yếu của từng thành viên.

2. Phát triển các cơ chế, các điều kiện để thúc đẩy chiến lược các đơn vị thành viên.

3. Đề ra các chuẩn mực chung, các mô hình về đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý

4. Thúc đẩy các chương trình chung cho toàn hệ thống nhằm phát triển/nâng cao năng lực cán bộ giảng dạy, nghiên cứu và quản lý

5. Liên kết, điều phối các chương trình để tạo được sức mạnh chung và tránh lãng phí nguồn lực.

Dựa trên 5 nội dung trên, ĐHQG-HCM xây dựng 5 nhóm chiến lược chính nhằm triển khai cụ thể các mục tiêu chiến lược phát triển giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

Nhóm chiến lược 1: nâng cao hiệu quả quản trị toàn hệ thống

Nhóm chiến lược 2: xây dựng văn hóa đại học ĐHQG-HCM

Nhóm chiến lược 3: xây dựng chất lượng đào tạo đạt chuẩn mực quốc tế

Nhóm chiến lược 4: khẳng định vị thế của một đại học nghiên cứu đa ngành

Nhóm chiến lược 5: phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất.

Các nhóm chiến lược này cần được triển khai đồng bộ, bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau nhằm đạt được mục tiêu chiến lược chung đã đề ra, trong đó có 3 mũi đột phá về quản lý hệ thống, phát triển đội ngũ và xây dựng cơ sở vật chất.

II. Các nhóm chiến lược phát triển ĐHQG-HCM giai đoạn 2011 - 2015

1. Nhóm chiến lược 1: Nâng cao hiệu quả quản trị toàn hệ thống

a. Mục tiêu: ĐHQG-HCM với đội ngũ quản lý mạnh và chuyên nghiệp, được vận hành theo mô hình quản trị tiên tiến, phù hợp với xu thế phát triển các hệ thống đại học trên thế giới.

b. Các chiến lược thành phần

Chiến lược 1.1 - Nâng cao năng lực quản lý toàn hệ thống

Các giải pháp chiến lược:

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý về tự chủ tự chịu trách nhiệm: Quy định về tổ chức hoạt động của ĐHQG-HCM, Quy chế hoạt động các đơn vị và Quy chế về hoạt động các ban chức năng.

- Hoàn thiện bộ máy hoạt động của ĐHQG-HCM và các đơn vị theo cơ chế mới.

- Soạn thảo và ban hành bảng tiêu chí các chức danh trong hệ thống ĐHQG-HCM.

- Tổ chức qui hoạch và đào tạo đội ngũ căn cứ theo kết quả phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động của từng vị trí công tác trong năm.

- Tiến hành bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ thuộc diện đã được qui hoạch và hoàn tất đào tạo bồi dưỡng theo yêu cầu công việc.

Chiến lược 1.2: Nâng cao hình ảnh và uy thế ĐHQG-HCM trong khu vực và quốc tế

Các giải pháp chiến lược:

- Xác định các chương trình cần đối tác, ngân hàng ý tưởng (concept papers). Từ đó, hình thành kế hoạch thời gian và nội dung thảo luận, trao đổi với các đối tác chiến lược hiện có.

- Cải tiến nội dung và hình thức trang web tiếng Anh nhằm tăng cường việc trao đổi thông tin khoa học, giáo dục với cộng đồng và các đối tác quốc tế cũng như thu hút sinh viên các nước đến nghiên cứu và học tập tại ĐHQG-HCM.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về học thuật, hợp tác nghiên cứu và quản trị đại học. Chú trọng các nghiên cứu liên ngành và các hội thảo quản trị hệ thống đại học. Hỗ trợ các đơn vị thành viên trong việc tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế.

- Phát triển và tăng cường công tác quảng bá các chương trình liên kết. Đồng thời, đẩy mạnh công tác kiểm định, giám sát và đánh giá chất lượng giáo dục các chương trình liên kết với các tổ chức quốc tế.

- Soạn thảo và ban hành các chế độ, chính sách hợp lý để thu hút các chuyên gia trình độ cao và tình nguyện viên quốc tế đến giao lưu, trao đổi và hỗ trợ hoạt động của ĐHQG-HCM.

- Nâng cao năng lực phát triển và quản lý dự án trong toàn ĐHQG-HCM. Tạo các cơ sở dữ liệu về các dự án cần triển khai trong giai đoạn 2011 - 2015; đồng thời xây dựng mối quan hệ với các tổ chức tài trợ

- Soạn thảo, ban hành và cập nhật các quy chế, quy định về quản lý và triển khai dự án trong và ngoài nước cho nhân sự dự án các đơn vị thành viên và trực thuộc.

Chiến lược 1.3 - Quản lý ĐHQG-HCM bằng CNTT

Các giải pháp chiến lược:

- Thành lập ban quản lý dự án và các nhóm tác nghiệp thực hiện chương trình "Phát triển hệ thống CNTT phục vụ công tác quản trị đại học trong toàn ĐHQG-HCM".

- Thực hiện công tác tuyên truyền về ý nghĩa của Chương trình trong hệ thống ĐHQG-HCM.

- Đi tham quan và học tập các mô hình mẫu và hệ thống thông tin (bao gồm hạ tầng CNTT) quản lý 2 cấp (tập trung vào quản lý cấp 1).

- Thống nhất và viết tài liệu mô tả phạm vi triển khai cũng như qui trình nghiệp vụ chuẩn (ở cấp 1).

- Chọn đơn vị tư vấn và thiết kế hệ thống.

- Viết tài liệu đặc tả yêu cầu người dùng, tài liệu thiết kế hệ thống cũng như báo cáo thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán.

- Xây dựng hạ tầng và hệ thống thông tin hoàn chỉnh. Đồng thời, tổ chức huấn luyện sử dụng hệ thống cho người dùng.

2. Nhóm chiến lược 2: Văn hóa đại học ĐHQG-HCM - Sức mạnh hệ thống

a. Mục tiêu: Sức mạnh tổng hợp toàn hệ thống được phát huy mạnh mẽ

b. Các chiến lược thành phần:

Chiến lược 2.1 - Tạo nên những chuẩn mực và giá trị chung

Các giải pháp chiến lược:

- Xây dựng bộ phận chuyên trách theo dõi, xây dựng văn hoá ĐHQG-HCM.

- Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học: "Khảo sát và đánh giá văn hóa hiện nay: thực trạng. Đề xuất kiến nghị phát triển và loại trừ".

- Xây dựng hệ thống giá trị và các biểu tượng, biểu trưng của ĐHQG-HCM

- Chỉ đạo các đơn vị thành viên xây dựng văn hóa đơn vị trong thể thống nhất toàn ĐHQG-HCM.
- Xây dựng quy trình, cơ chế, đội ngũ bảo trì và phát triển văn hóa ĐHQG

3. Nhóm chiến lược 3: Chất lượng đào tạo đạt chuẩn mực quốc tế

a. Mục tiêu: Môi trường đào tạo theo những chuẩn mực quốc tế được hình thành và phát triển

b. Các chiến lược thành phần:

Chiến lược 3.1 - Nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên

Các giải pháp chiến lược:

- Đào tạo liên thông các kiến thức nền trong hệ thống, trong lĩnh vực, trong nhóm ngành

- Xây dựng các module kiến thức nền trong lĩnh vực Kinh tế và KH XHN

- Giảng dạy, công nhận các môn chung (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất; Pháp luật đại cương/Pháp luật Việt Nam; Toán)

- Tổ chức đào tạo, công nhận các môn về kỹ năng mềm: Kỹ năng thuyết trình.

- Xây dựng và ban hành khung chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo liên ngành gắn với tiêu chí kiểm định chất lượng.

- Xây dựng một số chương trình đặc thù, chuẩn mực quốc tế và các chương trình song ngành cấp bằng kép:

- Xây dựng quy chế tuyển sinh và tổ chức đào tạo, quản lý chất lượng chương trình chuẩn mực quốc tế

- Triển khai các đề án đào tạo trọng điểm như Đề án đào tạo tiến sỹ phối hợp với UCLA; Đề án đào tạo Kỹ thuật hạt nhân; Đề án đào tạo kỹ sư, cử nhân tài năng; Chương trình tiên tiến, Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao.

- Xây dựng và triển khai Đề án đào tạo thí điểm bằng đôi: Kinh tế-Tự nhiên

- Thí điểm đào tạo một số ngành theo mô hình đào tạo mới:

- Dự thảo đề án đào tạo theo mô hình 3- 4-1-1 (Cao đẳng-Cử nhân-Kỹ sư-Thạc sỹ) kết hợp 4-2-3 (Cử nhân-Thạc sỹ-Tiến sỹ)

- Tổ chức sân chơi học thuật, giải thưởng NCKH và thực hiện các buổi

giao lưu giữa cựu sinh viên, doanh nghiệp và nhà trường.

- Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo tiếng Anh để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo qui định.

- Xây dựng hệ thống văn bản: quy chế, quy định, phân cấp về đào tạo.

- Chuẩn hóa chất lượng các chương trình đào tạo tài năng và tiên tiến theo chuẩn mực khu vực (Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục AUN).

Chiến lược 3.2 - Hình thành các điều kiện và môi trường học tập chuẩn mực quốc tế

Các giải pháp chiến lược:

- Xây dựng đề án và triển khai các chương trình đào tạo mang tính quốc tế

● Đánh giá chất lượng các chương trình kỹ sư, cử nhân tài năng.

● Mỗi cơ sở đào tạo nghiên cứu, xây dựng tối thiểu ba chương trình đào tạo mang tính quốc tế, trên cơ sở các chương trình tiên tiến, chương trình tài năng đạt chuẩn.

● Tiến hành các hoạt động xúc tiến triển khai chương trình đào tạo quốc tế vào năm 2012.

● Mở rộng quy mô cho các chương trình trao đổi sinh viên với các trường uy tín trên thế giới.

- Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo tiếng Anh để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu.

● Quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh

● Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo tiếng Anh theo chuẩn đầu ra đã được xây dựng và ban hành

● Tổ chức đào tạo theo các chương trình đã được cải tiến và đánh giá kết quả

● Xây dựng hệ thống văn bản qui định và hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo.

- Quản lý đào tạo:

● Xây dựng hệ thống văn bản: quy chế, quy định; phân cấp về đào tạo.

● Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý các chương trình đào tạo quốc tế.

Chiến lược 3.3 - Chuẩn hóa chất lượng các chương trình đào tạo

Các giải pháp chiến lược:

- Tập huấn sử dụng phần mềm hỗ trợ viết báo cáo tự đánh giá cho 17 chương trình tài năng, tiên tiến.

- Hỗ trợ hoạt động cải thiện chất lượng cho các chương trình

- Tổ chức đánh giá ngoài nội bộ cho các chương trình
- Tổ chức đánh giá ngoài chính thức cho các chương trình

4. Nhóm chiến lược 4: Khẳng định vị thế của hệ thống đại học nghiên cứu đa ngành

a. Mục tiêu: Phát triển tiềm lực và nâng cao hiệu quả quản lý KHCN để tạo ra các sản phẩm KHCN có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng nền tảng đại học nghiên cứu cho ĐHQG-HCM, phục vụ thiết thực sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

b. Các chiến lược thành phần:

Chiến lược 4.1: Bước đầu chuyển dịch cơ cấu và thành lập các đơn vị theo mô hình đại học nghiên cứu

Các giải pháp chiến lược:

- Quy hoạch tổng thể và bước đầu triển khai các đơn vị (hiện có và xây dựng mới) theo mô hình đại học nghiên cứu
- Tăng cường gắn kết NCKH và đào tạo Sau đại học
- Xây dựng cơ chế liên thông liên kết trong toàn hệ thống
 - Tăng cường hiệu quả liên ngành
 - Đẩy mạnh liên kết giữa Đào tạo - NCKH - Dịch vụ

Chiến lược 4.2 - Nâng cao hiệu quả quản lý KHCN

Các giải pháp chiến lược

- Hoàn thiện cơ chế quản lý các nhiệm vụ KH-CN
- Hoàn thiện quy trình hoạt động của hệ thống quản lý nhà nước về KH-CN. Áp dụng phương thức quản lý tiên tiến dựa trên kết quả theo kế hoạch chiến lược.

- Đổi mới chính sách và đa dạng hóa các nguồn đầu tư tài chính cho hoạt động KH-CN

- Đổi mới cơ chế quản lý nguồn nhân lực KH-CN
- Xây dựng cơ chế và năng lực nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng, thương mại hóa các kết quả KHCN, hình thành các tổ chức doanh nghiệp KHCN.

Chiến lược 4.3 - Phát triển nhanh chóng tiềm lực KHCN, đặc biệt chú trọng phát triển các nhóm nghiên cứu trọng điểm

Các giải pháp chiến lược:

- Phát triển nguồn nhân lực KHCN

- Xây dựng đội ngũ cán bộ đầu đàn
- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ nghiên cứu
- Thu hút nhân tài trong và ngoài nước
- Phát triển năng lực NCKH:
 - Đẩy mạnh các đề tài hợp tác NCKH đa ngành, chất lượng cao
 - Phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh hướng đến xây dựng các trung tâm xuất sắc, chuyên môn sâu.
 - Chú trọng việc xây dựng và phát triển văn hoá nghiên cứu khoa học
- Phát triển cơ sở vật chất phục vụ NCKH
 - Tạo môi trường làm việc hiệu quả hướng đến các chuẩn mực quốc tế
 - Tăng cường hiệu quả sử dụng trang thiết bị hiện có
 - Phát triển các cơ sở NCKH và CGCN (PTN trọng điểm, vườn ươm, công viên KH, ...)
- Tăng cường hợp tác NCKH trong nước, quốc tế

Chiến lược 4.4 - Tạo được các sản phẩm KH-CN có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, đặc biệt chú trọng các sản phẩm mang tính đột phá

Các giải pháp chiến lược:

- Xây dựng chiến lược KH-CN hướng đến các lĩnh vực ưu tiên và phát triển các sản phẩm KH-CN
- Tập trung phát triển các sản phẩm mang tính đột phá, có tính liên ngành cao.

Chiến lược 4.5: Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ và thương mại hóa các sản phẩm KH&CN

Các giải pháp chiến lược:

- Nâng cao nhận thức và năng lực quản trị, khai thác tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM
- Đẩy mạnh hợp tác doanh nghiệp - đại học trong nghiên cứu phát triển
- Xây dựng các tổ chức chuyên nghiệp phục vụ quá trình chuyển giao và thương mại hóa sản phẩm KH-CN. Thành lập Trung tâm Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.
- Xây dựng, củng cố hoạt động các trung tâm nghiên cứu-chuyển giao và các doanh nghiệp KH-CN
- Đẩy mạnh hoạt động của Quỹ KH-CN, vườn ươm KH-CN và công viên KH.

5. Nhóm chiến lược 5: Phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất

a. Mục tiêu: Nguồn lực tài chính cho các hoạt động ĐHQG-HCM được gia tăng đáng kể. Các công trình xây dựng được triển khai theo đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng.

b. Các chiến lược thành phần:

Chiến lược 5.1: Cơ sở vật chất được đầu tư phát triển đồng bộ và hiện đại

Các giải pháp chiến lược:

- Hoàn tất điều chỉnh qui hoạch xây dựng ĐHQG-HCM tại Thủ Đức - Dĩ An theo định hướng khu đại học thông minh với không gian mở, thân thiện với thiên nhiên và hài hòa với môi trường sống địa phương.

- Các khuôn viên nội thành sẽ được phát triển thành các khu dịch vụ Khoa học kỹ thuật, Khoa học Tự nhiên và Khoa học Xã hội nhân văn.

- Đảm bảo cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ công tác quản trị, giảng dạy, nghiên cứu, học tập và sinh hoạt thể dục thể thao, văn hóa của khoảng 50.000 CBCC-VC và sinh viên tại khu qui hoạch Thủ Đức - Dĩ An.

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho ban quản lý dự án xây dựng của ĐHQG-HCM cũng như các đơn vị thành viên.

- Tập trung chỉ đạo mạnh mẽ, phối hợp tốt công việc trong hệ thống các bộ phận quản lý dự án xây dựng cơ bản và các bộ phận kế hoạch - tài chính.

- Phối hợp tốt với địa phương (TP.HCM, Bình Dương), liên hệ chặt chẽ với các Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Mỗi đơn vị thành viên đều có kế hoạch rất cụ thể ngắn hạn và dài hạn cho XDCB cũng như kế hoạch trang bị chiều sâu phục vụ đào tạo, NCKH.

- Tăng cường sử dụng chung cơ sở vật chất trang thiết bị trong phạm vi ĐHQG-HCM, mở rộng ra TP.HCM và Bình Dương.

- Đổi mới phương thức triển khai công tác xây dựng cơ bản: lập kế hoạch đồng bộ các công đoạn để tăng tốc công tác xây dựng cơ bản, dành tỷ lệ vốn hợp lý để trang bị cho các phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo để ngày càng có nhiều phòng học hiện đại tiếp cận chuẩn khu vực.

Chiến lược 5.2: Phát triển và phát huy hiệu quả các quỹ của ĐHQG

Các giải pháp chiến lược:

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và qui chế Quỹ Phát triển ĐHQG-HCM và các chi nhánh tại các đơn vị thành viên, trực thuộc.

- Hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu của các nhà tài trợ. Đồng thời hoàn tất các tài liệu giới thiệu về các hoạt động, các dự án đầu tư phát triển của ĐHQG-

HCM để gửi cho các nhà tài trợ.

- Tiếp cận các doanh nghiệp và hiệp hội ngành nghề địa phương
- Xây dựng quan hệ với các tổ chức truyền thông đại chúng, các quỹ đầu tư trong và ngoài nước

- Triển khai các dịch vụ tạo nguồn thu cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của ĐHQG-HCM như đào tạo ngắn hạn, chuyên sâu, tư vấn, nghiên cứu - ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất phục vụ đời sống.

Chiến lược 5.3: Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ và hợp tác đầu tư

Các giải pháp chiến lược:

- Triển khai các dịch vụ công ích.
- Thực hiện các dịch vụ theo chức năng, nhiệm vụ như: hỗ trợ tuyển sinh, tư vấn, giới thiệu ngành nghề, các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, ngoại ngữ, tin học, ...

- Các dịch vụ phục vụ sinh viên: Ký túc xá, canteen, mua sắm, nhà sách, nhà văn hóa sinh viên, văn phòng phẩm, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí,...

- Hoàn thiện cơ chế kêu gọi đầu tư

- Tổ chức giới thiệu các công trình

- Triển khai ký kết, hợp tác các công trình: Hồ nước; Trồng hoa lan cây cảnh; Chung cư CBCC-VC; Hồ bơi; Nhà văn hóa sinh viên ĐHQG-HCM

Chiến lược 5.4: Tăng hiệu suất và tiết kiệm

Các giải pháp chiến lược:

- Hợp lý hóa các hoạt động để nâng cao hiệu quả sử dụng
 - Đẩy mạnh việc sử dụng chung nguồn nhân lực
 - Đẩy mạnh việc xây dựng và khai thác CSVC dùng chung
 - Hợp lý hóa thủ tục, tiết giảm chi phí hành chính
 - Tối ưu hóa việc bố trí giảng dạy của giảng viên
 - Cải tiến chế độ trả lương
- Tiết kiệm nguồn lực
 - Tiết giảm hợp lý chi phí khai thác và vận hành. Triển khai chương trình tiết kiệm năng lượng
 - Kiểm soát việc khai thác và vận hành theo mục tiêu "Dự án"
 - Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá trong công tác quản lý.

III. Các mũi đột phá:

- Mũi đột phá thứ nhất: Đổi mới quản lý hệ thống
- Mũi đột phá thứ hai: Phát triển đội ngũ
- Mũi đột phá thứ ba: Xây dựng cơ sở vật chất

Phần II.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN,
GIÁM SÁT, VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

1. Giám đốc ĐHQG-HCM tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2011 - 2015. Ban Giám đốc ĐHQG-HCM có trách nhiệm triển khai các hội nghị chuyên đề, lập các kế hoạch cụ thể, các đề án khả thi cho từng nhóm chiến lược, từng lĩnh vực.

2. Các đơn vị thành viên và trực thuộc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2015 của đơn vị mình và các kế hoạch hoạt động hàng năm sao cho đảm bảo thực hiện đạt được các chỉ tiêu, các mục tiêu của kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển ĐHQG-HCM giai đoạn 2011-2015. Công tác xây dựng kế hoạch chiến lược của các đơn vị cần hoàn tất trong quý I/2011.

3. Hàng năm, ĐHQG-HCM và các đơn vị tổ chức sơ kết, đánh giá để kịp thời điều chỉnh, xây dựng kế hoạch hoạt động năm tiếp theo cho phù hợp với chiến lược. Việc kiểm điểm, đánh giá công việc hàng năm cần tập trung vào các nhóm chiến lược và các chương trình trọng điểm trong phạm vi toàn ĐHQG-HCM cũng như ở từng đơn vị thành viên.

Phê duyệt của
Chủ tịch Hội đồng ĐHQG-HCM

Phần III.

PHỤ LỤC

1. HỆ THỐNG CÁC CHỈ TIÊU

TT	Chỉ số	2010	2015
1	Qui mô hệ đại học chính qui	51.694	55.000 (tăng 6,8%)
2	Qui mô hệ cao đẳng chính qui	3.700	3.700
3	Qui mô vừa làm vừa học	28.000	28.000
4	Tỷ lệ Sau đại học/ Đại học chính quy	14,4%	24 %
5	Số lượng chương trình đào tạo trọng điểm được kiểm định theo tiêu chuẩn AUN, ABET	3	Tất cả (3 tiên tiến, 14 tài năng)
6	Số lượng các đơn vị đào tạo được kiểm toán, kiểm định theo tiêu chuẩn Bộ GD-ĐT	4	6
7	Tỷ lệ tăng số lượng bài báo khoa học đăng trong các tạp chí ISI so với giai đoạn 2006 - 2010.	578 bài báo	1,5 lần
8	Tỷ lệ doanh thu chuyển giao công nghệ so ngân sách nhà nước cấp cho KH-CN	0,75:1	2:1
9	Tổng số dự án quốc tế so giai đoạn 2006 - 2010		1,5 lần
10	Phần trăm diện tích đất được giải tỏa, đền bù	80%	100%
11	Các công trình cụ thể	Tỉ lệ so với tổng nguồn vốn đầu tư	
	Khu đào tạo	28%	80%
	Khu NCKH		50%
	Khu dịch vụ SV		50%
	Khu KTX		100%

12	Phòng làm việc GS, PGS và bộ môn	Đang triển khai	100%
13	Hệ thống thư viện	Hình thành	Liên thông phát triển theo các chuẩn thống nhất
14	Số lượng CBGD cơ hữu	2.400	3.000
15	Tỷ lệ sinh viên đại học chính qui/ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu cơ hữu	21:1	18:1
16	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ SĐH/Tổng số CBGD cơ hữu	70%	80%
17	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có học vị tiến sĩ/Tổng số giảng viên cơ hữu	26%	40%
18	Nguồn thu từ hợp đồng cung ứng dịch vụ/ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên	65%	100%

1. TỔNG HỢP CHIẾN LƯỢC VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH

Nhóm chiến lược 1: Nâng cao hiệu quả quản trị toàn hệ thống

Mục tiêu chiến lược 1 - ĐHQG-HCM với đội ngũ quản lý mạnh và chuyên nghiệp, được vận hành theo mô hình quản trị tiên tiến, phù hợp với xu thế phát triển các hệ thống đại học trên thế giới.						
Chiến lược 1.1 - Nâng cao năng lực quản lý toàn hệ thống						
Chương trình 1.1.1: Hoàn thiện các quy chế về tự chủ tự chịu trách nhiệm, phân cấp QL trong ĐHQG						
2011		2012		2013		2014
2015		Điều kiện				
Mục tiêu chung: Tăng hiệu quả quản lý hệ thống						
Mục tiêu cụ thể: Hoàn thiện cơ chế và hoạt động theo tự chủ tự chịu trách nhiệm						
Kết quả: 1. Hệ thống văn bản pháp lý về tự chủ tự chịu trách nhiệm 2. Hoàn thiện bộ máy theo cơ chế mới	1. Quy định về tổ chức hoạt động của VNU 2. Quy chế hoạt động các đơn vị 3. Quy chế về hoạt động các ban chức năng	Báo cáo giám sát và kiến nghị sửa đổi	Văn bản mới	Báo cáo giám sát, kiến nghị	1. Tổng kết, Khen thưởng, kỷ luật 2. Đưa vào nội dung chiến lược	
Hoạt động: 1. Quy định về tổ chức và hoạt động của ĐHQG 2. Ra quy chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn VNU 3. Quy chế về tổ chức và hoạt động	Ban hành văn bản	Giám sát vận hành	Phân tích đánh giá, điều chỉnh, sửa đổi bổ sung	Giám sát, điều chỉnh	Hoàn thiện-khái quát-tổng kết đưa vào CL kế tiếp	1. Hình thành tổ công tác 2. Chỉ đạo: Giám đốc 3. Chủ trì: Ban tổ chức 4. Phối hợp: Cơ quan ĐHQG, các đơn vị thành viên

của từng đơn vị 4. Cơ chế quản lý của các ban chức năng						
Chương trình 1.1.2: Đào tạo nâng cao năng lực quản lý trong toàn ĐHQG						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Mục tiêu chung: Đội ngũ cán bộ quản lý mạnh và chuyên nghiệp						
Mục tiêu cụ thể Nâng cao năng lực quản lý						
Kết quả: 1. Hoàn thành bồi dưỡng trong diện quy hoạch cấp VNU quản lý	1. Bản tiêu chí các chức danh 2. Hoàn tất rà soát 3. Danh sách quy hoạch và đào tạo 4. 10% quy hoạch	- Danh sách quy hoạch và đào tạo - Chương trình đào tạo cho các đối tượng 1. - Hoàn thành 60% kế hoạch	1. Danh sách quy hoạch và đào tạo 2. Hoàn thiện bộ máy đầu nhiệm kỳ BGD 3. Hoàn thành 70% kế hoạch	1. Danh sách quy hoạch và đào tạo 2. Hoàn thành 90% kế hoạch	1. Tổng kết, Khen thưởng, kỷ luật 2. Đưa vào nội dung chiến lược 3. 100% quy hoạch	
Hoạt động: 1. Xây dựng tiêu chí 2. Rà soát đội ngũ 3. Tổ chức đào tạo: cử đi, tự tổ chức 4. Đánh giá 5. Quy hoạch 6. Luân chuyển 7. Tuyển chọn - Đề bạt 8. Đánh giá 9. Đào tạo	1. Tiêu chí các chức danh 2. Rà soát đội ngũ 3. Tổ chức đào tạo 4. Quy hoạch 5. Đánh giá	1. Tổ chức đào tạo 2. Quy hoạch 3. Đánh giá	1. Tổ chức đào tạo 2. Đánh giá 3. Quy hoạch 4. Luân chuyển 5. Tuyển chọn - đề bạt	1. Tổ chức đào tạo 2. Quy hoạch 3. Đánh giá	1. Tổ chức đào tạo 2. Quy hoạch 3. Đánh giá 4. Tổng kết chương trình - chiến lược kế tiếp	1. Tổ chức chuyên trách 2. Kinh phí 3. Phối hợp Ban Đối ngoại 4. Phối hợp Trung tâm quản lý và chính sách giáo dục đại học

Chiến lược 1.2 - Nâng cao hình ảnh / uy thế ĐHQG trong khu vực và quốc tế

Chương trình 1.2.1 - Tăng cường mối liên kết khu vực						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
<p>Mục tiêu chung: Nâng cao hình ảnh, uy thế của ĐHQG-HCM trong khu vực và quốc tế; tăng số lượng và qui mô các dự án hợp tác quốc tế trong ĐHQH-HCM</p>						
<p>Mục tiêu cụ thể</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tăng cường mạng lưới đối tác và đối tác chiến lược. 2. Phát huy vai trò tích cực của ĐHQG trong khu vực. 3. Đảm bảo chất lượng và hiệu quả các chương trình đào tạo liên kết. 4. Tăng số lượng và chất lượng các chương trình đào tạo liên kết. <p>Tăng số lượng các dự án hợp tác quốc tế</p>						
<p>Kết quả</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1) Số đối tác: 50; đối tác chiến lược: 10. 1.2) Ký kết 60 MoU và 20 Agreement. 2.1) Tổ chức 10 Hội thảo và hội nghị quốc tế 2.2) Mỗi năm tổ chức 1 hội nghị khu vực. 3.1) 20 chương trình liên kết đào tạo được kiểm định AUN 3.2) Đến năm 2015, 5% sinh viên quốc tế tham gia vào các chương trình liên kết 4) Tăng 3 chương trình chất lượng cao hàng năm. 5.1) Đến 2015, có 2 dự án lớn và 4 dự án vừa 5.2) Đến năm 2015, có 40 cán bộ chuyên nghiệp về phát triển và quản lý dự án. 5.3) Trong năm 2011, phải hoàn thành các quy chế phát triển và quản lý dự án. 5.4) Một Database về các nhà tài trợ được cập nhật thường xuyên 						
Hoạt động:	<ol style="list-style-type: none"> 1) Xác định lộ trình, thăm và làm việc với các đối tác 2) Cải tiến, cập nhật thông tin trang web tiếng Anh 3) Tổ chức các Hội nghị quốc tế 	<ol style="list-style-type: none"> 1) Xác định lộ trình, thăm và làm việc với các đối tác 2) Cải tiến, cập nhật thông tin trang web tiếng Anh 3) Tổ chức các Hội nghị quốc tế 	<ol style="list-style-type: none"> 1) Xác định lộ trình, thăm và làm việc với các đối tác 2) Cải tiến, cập nhật thông tin trang web tiếng Anh 3) Tổ 	<ol style="list-style-type: none"> 1) Xác định lộ trình, thăm và làm việc với các đối tác 2) Cải tiến, cập nhật thông tin trang web tiếng Anh 3) Tổ chức các Hội nghị quốc tế 	<ol style="list-style-type: none"> 1) Xác định lộ trình, thăm và làm việc với các đối tác 2) Cải tiến, cập nhật thông tin trang web tiếng Anh 	<ol style="list-style-type: none"> 1) Ban ĐH-SĐH và TT Kiểm định và Đánh giá chất lượng hỗ trợ việc kiểm định các CTLK 2) Ban CTSV hỗ trợ xây dựng Sổ tay sinh

<p>4) Hỗ trợ các đơn vị thành viên tổ chức Hội nghị quốc tế</p> <p>5) Cải tiến quy trình quản lý các CTLK</p> <p>6) Quảng bá các CTLK</p> <p>7) Kiểm định, giám sát và đánh giá các CTLK</p> <p>8) Xác định các chương trình cần đối tác, Concept Papers</p> <p>9) Móc nối, đàm phán với các đối tác.</p> <p>10) Xây dựng mối quan hệ với các tổ chức tài trợ</p> <p>11) Chuẩn bị xây dựng Database các tổ chức tài trợ</p>	<p>4) Hỗ trợ các đơn vị thành viên tổ chức Hội nghị quốc tế</p> <p>5) Cải tiến quy trình quản lý các CTLK</p> <p>6) Quảng bá các CTLK</p> <p>7) Kiểm định, giám sát và đánh giá các CTLK</p> <p>8) Xây dựng Database ngân hàng Concept Papers</p> <p>9) Móc nối, đàm phán với các đối tác.</p> <p>10) Xây dựng mối quan hệ với các tổ chức tài trợ</p> <p>11) Xây dựng Database các tổ chức tài trợ</p> <p>12) Soạn thảo, ban hành và cập nhật các quy chế, quy định về việc phát triển và quản lý dự án.</p>	<p>chức các Hội nghị quốc tế</p> <p>4) Hỗ trợ các đơn vị thành viên tổ chức Hội nghị quốc tế</p> <p>5) Cải tiến quy trình quản lý các CTLK</p> <p>6) Quảng bá các CTLK</p> <p>7) Kiểm định, giám sát và đánh giá các CTLK</p> <p>8) Cải tiến, cập nhật dữ liệu trên Database ngân hàng Concept Papers</p> <p>9) Móc nối, đàm phán với các đối tác.</p> <p>10) Xây dựng mối quan hệ với các tổ chức tài trợ</p>	<p>4) Hỗ trợ các đơn vị thành viên tổ chức Hội nghị quốc tế</p> <p>5) Cải tiến quy trình quản lý các CTLK</p> <p>6) Quảng bá các CTLK</p> <p>7) Kiểm định, giám sát và đánh giá các CTLK</p> <p>8) Cải tiến, cập nhật dữ liệu trên Database ngân hàng Concept Papers</p> <p>9) Móc nối, đàm phán với các đối tác.</p> <p>10) Xây dựng mối quan hệ với các tổ chức tài trợ</p> <p>11) Cải tiến, Cập nhật dữ liệu trên Database các tổ chức tài trợ</p> <p>12) Soạn thảo, ban hành và</p>	<p>3) Tổ chức các Hội nghị quốc tế</p> <p>4) Hỗ trợ các đơn vị thành viên tổ chức Hội nghị quốc tế</p> <p>5) Cải tiến quy trình quản lý các CTLK</p> <p>6) Quảng bá các CTLK</p> <p>7) Kiểm định, giám sát và đánh giá các CTLK</p> <p>8) Cải tiến, cập nhật dữ liệu trên Database ngân hàng Concept Papers</p> <p>9) Móc nối, đàm phán với các đối tác.</p> <p>10) Xây dựng mối quan hệ</p>	<p>viên quốc tế</p> <p>3) Các trường thành viên, các trung tâm hỗ trợ nhân lực để hình thành các nhóm dự án chuyên nghiệp.</p> <p>4) Ban TCCB hỗ trợ trong đào tạo nguồn nhân lực phát triển và quản lý dự án.</p>
---	---	--	---	--	--

			<p>11) Cải tiến, Cập nhật dữ liệu trên Database các tổ chức tài trợ</p> <p>12) Soạn thảo, ban hành và cập nhật các quy chế, quy định về việc phát triển và quản lý dự án.</p>	<p>cập nhật các quy chế, quy định về việc phát triển và quản lý dự án.</p>	<p>với các tổ chức tài trợ</p> <p>11) Cải tiến, Cập nhật dữ liệu trên Database các tổ chức tài trợ</p> <p>12) Soạn thảo, ban hành và cập nhật các quy chế, quy định về việc phát triển và quản lý dự án.</p>	
--	--	--	---	--	--	--

Chương trình 1.2.2 - Nâng cao năng lực quan hệ quốc tế

	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
<p>Mục tiêu chung: Nâng cao hình ảnh, uy thế của ĐHQG-HCM trong khu vực và quốc tế</p>						
<p>Mục tiêu cụ thể: Nâng cao năng lực QHQT cho toàn ĐHQG -HCM</p>						
<p>Kết quả:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đến 2015, 20 thạc sĩ về QHQT Mỗi năm có 20 cán bộ được đào tạo đúng các chuyên ngành liên quan đến QHQT Mỗi năm có 5 chuyên gia đến làm việc (tính nguyện viên) 						
<p>Hoạt động</p> <p>1.Liên kết tổ chức đào tạo với các đơn vị trong và ngoài nước^(*)</p>	<p>1.Liên kết tổ chức đào tạo với các đơn vị trong và ngoài nước^(*)</p>	<p>1.Liên kết tổ chức đào tạo với các đơn vị trong và ngoài nước^(*)</p>	<p>1.Liên kết tổ chức đào tạo với các đơn vị trong và ngoài</p>	<p>1.Liên kết tổ chức đào tạo với các đơn vị trong và ngoài</p>		<p>1) các đơn vị thành viên và trực thuộc tham gia tích cực các chương trình đào tạo.</p>

2. Soạn thảo và ban hành các chế độ để thu hút các chuyên gia và tình nguyện viên.	2. Soạn thảo và ban hành các chế độ để thu hút các chuyên gia và tình nguyện viên	2. Soạn thảo và ban hành các chế độ để thu hút các chuyên gia và tình nguyện viên	nước (*) 2. Soạn thảo và ban hành các chế độ để thu hút các chuyên gia và tình nguyện viên	nước (*) 2. Soạn thảo và ban hành các chế độ để thu hút các chuyên gia và tình nguyện viên		2) Các đơn vị đóng góp ý kiến từ kinh nghiệm công tác.
--	---	---	---	---	--	--

Chiến lược 1.3 - Quản lý ĐHQG bằng CNTT

Chương trình 1.3.1 - Phát triển hệ thống CNTT phục vụ QL toàn ĐHQG						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Mục tiêu chung: Hình thành và phát triển hệ thống quản lý thông tin ở cấp 1 (ĐHQG HCM) trong mô hình quản lý 2 cấp (cấp 2 là các đơn vị thành viên).						- Sự cam kết, hành động, và quyết tâm xuyên nhiệm kỳ của lãnh đạo ĐHQG HCM về: + Tài chính + Nguồn nhân lực + Cơ chế chính sách. - Sự thông hiểu và đồng thuận của tất cả các cấp trong toàn hệ thống ĐHQG HCM.
Mục tiêu cụ thể:	- Xác định được phạm vi triển khai. - Xây dựng được qui trình nghiệp vụ chuẩn (ở cấp 1).	- Xác định được yêu cầu người dùng. - Thiết kế hệ thống (bao gồm cả hạ tầng CNTT).	- Đặc tả kỹ thuật và xây dựng hệ thống.	- Kiểm tra và triển khai hệ thống.	- Kiểm tra và triển khai hệ thống.	- Thành lập ban quản trị dự án có kinh nghiệm và có đủ thời gian tham gia, đứng đầu là người

						<p>có quyền ra quyết định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có văn phòng riêng cho dự án với các phương tiện làm việc cần thiết. - Xây dựng các nhóm tác nghiệp (task force) về: <ul style="list-style-type: none"> + Quản lý CNTT + Quản lý đào tạo + Quản lý khoa học công nghệ + Quản lý tài chính + Quản lý nhân sự + Quản lý tài sản + Quản lý quan hệ quốc tế + Quản lý khảo thí và kiểm định chất lượng + Quản lý sinh viên + Quản lý thư viện - Các cấp quản lý tích cực tham gia, hợp tác. - Kinh phí đủ cho chi phí dự án.
--	--	--	--	--	--	---

<p>Kết quả:</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. + Tài liệu mô tả phạm vi triển khai. + Tài liệu mô tả qui trình nghiệp vụ chuẩn (ở cấp 1). 	<ul style="list-style-type: none"> + Tài liệu đặc tả yêu cầu người dùng. + Tài liệu thiết kế hệ thống. 	<ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán. + Hệ thống thông tin hoàn chỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống thông tin cuối cùng được vận hành tốt gồm: (1) Hệ thống thu thập thông tin từ các đơn vị cấp 2; (2) Hệ thống thông tin quản lý tác nghiệp cấp 1 (bao gồm cổng thông tin); (3) Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định cấp 1. 	<ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống thông tin cuối cùng được vận hành tốt gồm: (1) Hệ thống thu thập thông tin từ các đơn vị cấp 2; (2) Hệ thống thông tin quản lý tác nghiệp cấp 1 (bao gồm cổng thông tin); (3) Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định cấp 1. 	<p>Như trên</p>
<p>Hoạt động</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Thành lập ban quản lý dự án và các nhóm tác nghiệp. + Thực hiện công tác tuyên truyền về ý nghĩa của dự án trong toàn hệ thống ĐHQG HCM. 	<ul style="list-style-type: none"> + Chọn đơn vị tư vấn và thiết kế hệ thống. + Viết tài liệu đặc tả yêu cầu người dùng. + Viết tài liệu thiết kế hệ thống. 	<ul style="list-style-type: none"> + Viết báo cáo thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán. + Chọn đơn vị xây dựng hệ thống. + Xây dựng hạ tầng và hệ thống 	<ul style="list-style-type: none"> + Huấn luyện sử dụng hệ thống. + Triển khai thử nghiệm hệ thống. + Hiệu chỉnh hệ thống. + Đưa hệ thống vào vận hành chính thức. 	<ul style="list-style-type: none"> + Huấn luyện sử dụng hệ thống. + Triển khai thử nghiệm hệ thống. + Hiệu chỉnh hệ thống. + Đưa hệ thống vào vận 	

	<ul style="list-style-type: none"> + Viết báo cáo nghiên cứu tiên khả thi. + Đi tham quan và học tập các mô hình mẫu và hệ thống thông tin (bao gồm hạ tầng CNTT) quản lý 2 cấp (tập trung vào quản lý cấp 1). + Thống nhất và viết tài liệu mô tả phạm vi triển khai. + Thống nhất và viết tài liệu mô tả qui trình nghiệp vụ chuẩn (ở cấp 1). 		thông tin hoàn chỉnh.		hành chính thức.	
--	---	--	-----------------------	--	------------------	--

Nhóm chiến lược 2: Văn hóa đại học ĐHQG-HCM - Sức mạnh hệ thống

Mục tiêu chiến lược: Phát huy sức mạnh tổng hợp toàn hệ thống						
Chiến lược 2.1 - Tạo nên những chuẩn mực và giá trị chung						
Chương trình 2.1.1 - Phát triển văn hóa ĐHQG						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Mục tiêu chung: Hướng đến xây dựng văn hóa đại học làm nền tảng, động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững của ĐHQG-HCM						
Mục tiêu cụ thể: Hình thành hệ thống giá trị ĐHQG-HCM và các cơ chế thực hiện						

Kết quả:	1. Hệ thống dữ liệu thống kê 2. Hệ thống giá trị định hướng	1. Báo cáo đề tài 2. Hoàn thiện hệ thống giá trị định hướng 3. Bộ phận chuyên trách	1. Đề án triển khai 2. Quy trình triển khai cho các loại đối tượng	1. Khởi động biểu tượng	1. phát triển văn hoá 2. Dữ liệu thống kê	
Hoạt động: - Xây dựng "bộ phận" chuyên trách theo dõi, xây dựng văn hoá VNU - Đề tài Khoa học: + Khảo sát và đánh giá văn hóa hiện nay: thực trạng + Đề xuất kiến nghị phát triển và loại trừ - Các đề án cụ thể để triển khai - Xây dựng hệ thống giá trị và các biểu tượng biểu trưng của VNU	1. Triển khai đề tài NCKH 2. Xây dựng hệ thống giá trị định hướng	1. Hoàn thành đề tài NCKH 2. Hoàn thiện hệ thống giá trị định hướng 3. Hình thành bộ phận chuyên trách VH VNU 4. Chỉ đạo các đơn vị thành viên xây dựng văn hóa đơn vị trong thể thống nhất toàn VNU	1. Xây dựng và triển khai các đề án cụ thể 2. Triển khai ý tưởng về biểu tượng ĐHQG	1. Xây dựng biểu tượng ĐHQG-HCM 2. Triển khai các đề án cụ thể	1. Xây dựng quy trình cơ chế đội ngũ bảo trì và phát triển VH VNU 2. Điều tra, đánh giá quá trình → triển khai Sơ kết → CL giai đoạn kế tiếp	- Quyết tâm lãnh đạo - Kinh phí tương xứng - Phối hợp của các đơn vị thành viên

Nhóm chiến lược 3: Chất lượng đào tạo đạt chuẩn mực quốc tế

Mục tiêu chiến lược: Môi trường đào tạo theo những chuẩn mực quốc tế được hình thành và phát triển						
Chiến lược 3.1 - Nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên						
Chương trình 3.1.1. Phần đào tạo nền chung ĐHQG						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
<p>Mục tiêu chung: Nâng cao chất lượng đào tạo theo những chuẩn mực quốc tế Mục tiêu cụ thể 1. Tăng cường liên thông giữa các chương trình đào tạo, giữa các trình độ trong toàn hệ thống trên cơ sở phát huy thế mạnh của đào tạo theo HTTC. Hình thành một số chương trình đặc thù / thế mạnh / chương trình nghiên cứu - bổ sung cho nhau, đáp ứng yêu cầu xã hội</p>						Đầu tư CSVC, đáp ứng điều kiện tối thiểu cho người học tự học và tham gia vào các dự án hoặc các hoạt động thực hành, thí nghiệm
<p>Kết quả 1. Các kiến thức nền trong hệ thống, trong lĩnh vực, trong nhóm ngành, được đào tạo liên thông, tạo tiền đề hình thành các chương trình liên ngành đáp ứng nhu cầu của xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống các văn bản: Phân cấp; Quy chế, Quy định - Các module kiến thức nền trong lĩnh vực Kinh tế- QTKD- TCNH - Các module kiến thức nền KHXH&NV 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhập môn công tác kỹ sư - Anh văn cơ bản - Tin học cơ bản - Phương pháp NCKH - Kỹ năng giao tiếp - Con người và môi trường - Xã hội học - Các module 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế đại cương - Giáo dục học - Các module kiến thức nền trong lĩnh vực khoa học tự nhiên - 	<ul style="list-style-type: none"> - Các module kiến thức nền trong lĩnh vực khoa học sức khỏe 		

		kiến thức nền trong lĩnh vực Kỹ thuật -				
2. Ngoài chương trình Manar, có thêm ít nhất 5 chương trình liên ngành được triển khai đào tạo	- Kinh tế-Tự nhiên	- Kinh tế-Xã hội	- Tự nhiên - Kỹ thuật	Kỹ thuật-Kinh tế	Kỹ thuật-Sức khỏe	
	- Số lượng CBGD nước ngoài tham gia đào tạo, NCKH gia tăng hàng năm - Quốc tế hóa PPGD; phương thức quản lý đào tạo từ quản lý hành chính sang quản lý học thuật		Mô hình đào tạo mới 3- 4-1-1 (Cao đẳng-Cử nhân-Kỹ sư-Thạc sĩ) kết hợp 4-2-3 (Cử nhân-Thạc sĩ-Tiến sĩ) được hình thành		Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra của các chương trình	
Hoạt động 1. Đào tạo liên thông các kiến thức nền trong hệ	- Xây dựng các module kiến thức nền trong lĩnh vực	- Giảng dạy, công nhận các môn thuộc kiến thức kinh tế (kinh tế	- Giảng dạy, công nhận các môn thuộc kiến thức	- Giảng dạy, công nhận các môn thuộc kiến thức KHTN (Toán, Lý,	Giảng dạy, công nhận các môn thuộc kiến thức	- Chỉ đạo Ban Giám đốc - Hoạt động của HĐ N-NN - Cơ chế tài

<p>thống, trong lĩnh vực, trong nhóm ngành</p>	<ul style="list-style-type: none"> ■ Kinh tế ■ KHXHNV - Giảng dạy, công nhận các môn chung (NNLCB CNMLN, Đường lối CMĐCSVN, TTHCM; GDTC; GDQP; Pháp luật đại cương/ Pháp luật Việt Nam; Môn Toán) - Tổ chức đào tạo, công nhận các môn về kỹ năng mềm: Kỹ năng trình bày báo cáo 	<p>học; QTKD...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy, công nhận các môn thuộc kiến thức KHXHNV (XHH, GDH...) - Tổ chức đào tạo đạt CĐR tiếng Anh văn; Tin học - Giảng dạy, công nhận môn giao tiếp; tổ chức sự kiện - Xây dựng các module kiến thức nền trong lĩnh vực Kỹ thuật 	<p>kỹ thuật</p> <p>Nhập môn công tác kỹ sư, ...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các module kiến thức nền trong lĩnh vực khoa học tự nhiên - 	<p>Hóa, Con người và môi trường...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các module kiến thức nền trong lĩnh vực khoa học sức khỏe 	<p>KHSK</p>	<p>chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có CTĐT đạt chuẩn tương ứng - CĐR tiếng Anh, tin học - HTTT trong toàn ĐHQG (Thiết lập các hệ thống hỗ trợ: hỗ trợ học tập, giảng dạy đạt chuẩn- Giáo trình điện tử, hệ thống E-learning) - QC liên thông - Liên thông, chuyển đổi tín chỉ trong các trường thuộc ASEAN (ACTS) - Thành lập TT đào tạo kỹ năng mềm (TT Hướng nghiệp và phát triển NNL)
--	--	--	--	--	-------------	---

<p>2. Xây dựng khung chuẩn đầu ra của các CTĐT liên ngành gắn với tiêu chí kiểm định chất lượng</p>	<p>- Xây dựng và ban hành khung chuẩn đầu ra dựa trên sự tham gia của các bên liên quan</p>	<p>- Tổ chức đào tạo nhằm đạt CĐR - Điều tra ý kiến của cựu sinh viên và doanh nghiệp.</p>	<p>-</p>	<p>- Phân tích điều tra DN theo tiêu chí CĐR</p>	<p>- Phân tích điều tra DN theo tiêu chí CĐR</p>	<p>- Tiêu chí ĐBCL CTĐT - Quy chế xây dựng và phát triển chương trình giáo dục - CBGD, CBQL được khảo sát các trường tiên tiến - CBGD, CBQL được tập huấn XD và phát triển CTĐT; được khảo sát mô hình quản lý và đào tạo trong và ngoài nước - Chuyên gia</p>
<p>3. Xây dựng một số chương trình đặc thù: song ngành, bằng đôi, bằng kép</p>	<p>- Xây dựng QC tuyển sinh và tổ chức đào tạo, quản lý chất lượng chương trình - Triển khai Đề án Manar - Triển khai Đề án đào tạo Kỹ thuật hạt</p>	<p>- Xây dựng và triển khai các Đề án đào tạo thí điểm bằng đôi: Kinh tế- Xã hội</p>	<p>- Xây dựng và triển khai các Đề án đào tạo thí điểm bằng đôi: Tự nhiên- Kỹ thuật</p>	<p>- Xây dựng và triển khai các Đề án đào tạo thí điểm bằng đôi: Kỹ thuật- Kinh tế</p>	<p>- Xây dựng và triển khai các Đề án đào tạo thí điểm bằng đôi: Kỹ thuật- Sức khỏe</p>	<p>- Kiểm soát chất lượng các CTĐT: Đẩy mạnh việc đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình theo hướng đẩy nhanh tiến độ tự đánh giá của các trường.</p>

	<p>nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và triển khai Đề án đào tạo thí điểm bằng đôi: Kinh tế-Tự nhiên 					<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng N/NN - HTTT trong toàn ĐHQG (Thiết lập các hệ thống hỗ trợ) - Các Đề án được phê duyệt - Chương trình giáo trình ĐHQG-HCM
<p>4. Thí điểm đào tạo một số ngành theo mô hình đào tạo mới</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo đề án đào tạo theo mô hình 3-4-1-1 (Cao đẳng-Cử nhân-Kỹ sư-Thạc sĩ) kết hợp 4-2-3 (Cử nhân-Thạc sĩ-Tiến sĩ) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển sinh và đào tạo theo mô hình mới 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển sinh và đào tạo theo mô hình mới 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển sinh và đào tạo theo mô hình mới 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển sinh và đào tạo theo mô hình mới 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra SVTN
<p>5. Tổ chức sân chơi học thuật, giải thưởng NCKH</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức sân chơi học thuật 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức giải thưởng Sinh viên NCKH cấp ĐHQG 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức sân chơi học thuật 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức giải thưởng Sinh viên NCKH cấp ĐHQG 		<ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí từ Quỹ NCKH

6. Tổ chức hoạt động tham gia của các bên liên quan (doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên, GV).	- Giao lưu SVTN-DN-Trường	- Ngày hội Cựu sinh viên		- Ngày hội Cựu sinh viên		- TT Quan hệ Doanh Nghiệp của ĐHQG-HCM
7. Xây dựng và triển khai một số chương trình đào tạo khối ngành kỹ thuật theo mô hình CDIO	- 2 ngành - Tài liệu hướng dẫn thiết kế CTĐT theo mô hình CDIO					- Đề án CDIO được phê duyệt - HTTT trong toàn ĐHQG (Thiết lập các hệ thống hỗ trợ) - 9 chương trình, 40 SV-HV/ chương trình, bình quân: 20 triệu ĐVN/SV - Chưa tính chi phí theo đề án CDIO

Chương trình 3.2.1 - Môi trường học tập quốc tế

	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Mục tiêu chung: Nâng cao chất lượng đào tạo theo những chuẩn mực quốc tế						
Mục tiêu cụ thể: 1. Xây dựng các chương trình đào tạo mang tính quốc tế 2. Đột phá về công tác quản trị tài chính; đầu tư CSVC; chính sách giảng viên tạo điều kiện cần đáp ứng các chương trình ĐT mang tính quốc tế						

<p>Kết quả:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - CL phát triển các chương trình đạt chuẩn, ưu tiên các CTTN. - CL phát triển CSVC - CL về đào tạo, bồi dưỡng CBGD, CBQL - Có ít nhất 6 CTĐT đăng kí tính chất QT. - Bộ tiêu chuẩn về CBGD, CSVC, tài chính cho các CTĐT mang tính QT. - Ít nhất 30% SV CTTN tham gia chương trình trao đổi SV - 100% SVTN được đào tạo tiếng Anh đạt CĐR - Ít nhất 10% SV CTTN tham gia NCKH 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành các hoạt động xúc tiến cho việc triển khai CTĐT QT vào năm 2012. - Tối thiểu 10% số ngành, 100% số cơ sở có các chương trình trao đổi sinh viên với các trường uy tín trong khu vực/ thế giới. - Hệ thống các văn bản: Quy chế, Quy định; Phân cấp. - 30% CBGD được trao đổi học tập kinh nghiệm ít nhất 10 ngày. - Triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBQL. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các CTĐT QT bắt đầu đi vào hoạt động - Khởi động kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBGD theo chuẩn QT. - Tối thiểu 20% số ngành có các chương trình trao đổi sinh viên với các trường uy tín trên thế giới. - 30% CBGD được trao đổi học tập kinh nghiệm ít nhất 10 ngày. - Có ít nhất 12 CTĐT đăng kí tính chất QT. - Ít nhất 30% SV CTTN tham gia 	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 30% số ngành có các chương trình trao đổi sinh viên với các trường uy tín trên thế giới. - Ít nhất 40% SV CTTN tham gia NCKH - 40% CBGD được trao đổi học tập kinh nghiệm ít nhất 10 ngày. - 100% SVTN được đào tạo tiếng Anh đạt CĐR 	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 40% số ngành có các chương trình trao đổi sinh viên với các trường uy tín trên thế giới. - Có ít nhất 18 CTĐT đăng kí tính chất QT. - Ít nhất 50% SV CTTN tham gia NCKH - 100% SVTN được đào tạo tiếng Anh đạt CĐR 	
------------------------	--	---	--	--	---	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Ít nhất 30% SV CTTN tham gia NCKH - 100% SVTN được đào tạo tiếng Anh đạt CĐR 	<ul style="list-style-type: none"> NCKH - 100% SVTN được đào tạo tiếng Anh đạt CĐR 			
<p>Hoạt động:</p> <p>1. Xây dựng đề án và triển khai các chương trình đào tạo mạng tính quốc tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá chất lượng các chương trình KS, CNTN. - Mỗi cơ sở đào tạo nghiên cứu, xây dựng tối thiểu một CTĐT mang tính quốc tế, trên cơ sở các CTTN, CTTT đạt chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành các hoạt động xúc tiến triển khai CTĐT QT vào năm 2012. - Mở rộng quy mô cho các chương trình trao đổi sinh viên với các trường uy tín trên thế giới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai CTĐT QT đã xây dựng. - Tiếp tục mở rộng số ngành có các chương trình trao đổi sinh viên với các trường uy tín trên thế giới. - Mỗi cơ sở đào tạo nghiên cứu, xây dựng tối thiểu hai CTĐT mang tính quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ kết 1 năm thực hiện CTĐT QT. - Tiếp tục mở rộng số ngành có các chương trình trao đổi sinh viên với các trường uy tín trên thế giới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ kết 2 năm thực hiện CTĐT QT - Tiếp tục mở rộng số ngành có các chương trình trao đổi sinh viên với các trường uy tín trên thế giới. - Mỗi cơ sở đào tạo nghiên cứu, xây dựng tối thiểu ba CTĐT mang tính quốc tế. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Toàn ĐHQG-HCM thống nhất quyết tâm, chủ trương và lộ trình xây dựng môi trường học tập quốc tế. 2. Phải có các điều kiện đảm bảo tiếp cận với chuẩn quốc tế về các mảng: CTĐT, CBGD, CSVC-tài chính và quản lí đào tạo. 3. Các đề án, CL về CSVC, tài chính, CBGD-CBQL được phê duyệt

2. Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo tiếng Anh để sinh viên đạt CĐR	- Quy định CĐR tiếng Anh - Xây dựng nội dung, chương trình - Tổ chức đào tạo - Xây dựng hệ thống văn bản	- Tổ chức đào tạo - Kiểm tra, đánh giá	- Tổ chức đào tạo - Kiểm tra, đánh giá	- Tổ chức đào tạo - Kiểm tra, đánh giá	- Tổ chức đào tạo - Kiểm tra, đánh giá	Thành lập TT đào tạo kỹ năng mềm (TT Hướng nghiệp và phát triển NNL)
3. Quản lý đào tạo	- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý các CTTN.	- Xây dựng hệ thống văn bản: Quy chế, Quy định; Phân cấp về đào tạo. - Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý các CTTN.	- Tập huấn CB QL (Triển khai các quy chế, quy định).	- Tập huấn CB QL (Triển khai và điều chỉnh các quy chế, quy định). - Sơ kết 1 năm thực hiện kế hoạch.	- Tập huấn CB QL (Triển khai và điều chỉnh các quy chế, quy định). - Sơ kết 2 năm thực hiện kế hoạch.	3. Các đề án, CL về CSVN, tài chính, CBGD-CBQL được phê duyệt 4. Mỗi CBQL được học tập nước ngoài ít nhất 2 tháng/năm

Chiến lược 3.3 - Chuẩn hóa chất lượng các chương trình đào tạo

Chương trình 3.3.1: Kiểm định theo AUN các chương trình tài năng, tiên tiến

	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Mục tiêu chung: Chuẩn hóa chất lượng các chương trình đào tạo tài năng và tiên tiến theo chuẩn mục khu vực						
Mục tiêu cụ thể 1. Các chương trình tài năng, tiên tiến (TN, TT) được quản lý và vận hành theo tiêu chuẩn AUN. 2. CBGV của các chương trình TN, TT hiểu rõ tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo theo AUN.						

<p>Kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả CT tài năng, tiên tiến hoàn tất báo cáo tự đánh giá - 10 CT đạt kiểm định AUN mức 4.5 trở lên - 17 CT được đánh giá ngoài nội bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - 4 CTTN ĐGN nội bộ - 2 CTTN được tổ chức ĐGN bởi AUN đạt mức 4.5 trở lên 	<ul style="list-style-type: none"> - 4 CTTN ĐGN nội bộ - 2 CTTN được tổ chức ĐGN bởi AUN đạt mức 4.5 trở lên 3 báo cáo TĐG hoàn chỉnh của CTTT 	<ul style="list-style-type: none"> - 4 CTTN ĐGN nội bộ - 2 CTTN được tổ chức ĐGN bởi AUN đạt mức 4.5 trở lên 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 CTTN, 3 CTTT ĐGN nội bộ - 2 CTTN được tổ chức ĐGN bởi AUN đạt mức 4.5 trở lên 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 CTTN, TT được tổ chức ĐGN bởi AUN đạt mức 4.5 trở lên 	
<p>Hoạt động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn sử dụng phần mềm hỗ trợ viết báo cáo TĐG cho 17 CT TN, TT - Hỗ trợ hoạt động cải thiện chất lượng cho 4 CT TN - Tổ chức Đánh giá ngoài nội bộ cho 4 CT TN - Tổ chức ĐGN chính thức cho 2 CT TN 	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp tục hỗ trợ hoạt động cải thiện chất lượng thêm 4 CT TN - Tiếp tục tổ chức Đánh giá ngoài nội bộ thêm 4 CT TN - Tổ chức ĐGN chính thức thêm 2 CT TN 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục hỗ trợ hoạt động cải thiện chất lượng thêm 4 CT TN - Tiếp tục tổ chức Đánh giá ngoài nội bộ thêm 4 CT TN - Tổ chức ĐGN chính thức thêm 2 CT TN 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục hỗ trợ hoạt động cải thiện chất lượng thêm 4 CT TN - Tiếp tục tổ chức Đánh giá ngoài nội bộ thêm 4 CT TN - Tổ chức ĐGN chính thức thêm 2 CT TN 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ hoạt động cải thiện chất lượng cho 5 CT - Tổ chức Đánh giá ngoài nội bộ cho 5 CT - tổ chức ĐGN chính thức cho 2 CT 	<ul style="list-style-type: none"> - Có đủ nhân sự có năng lực thường xuyên thực hiện ĐBCL cấp Khoa. - Có cơ sở dữ liệu về CTĐT, đáp ứng yêu cầu của BTC AUN. - Có các quy định cụ thể, khả thi để quản lý chất lượng các CTTN, TT - Có chính sách gắn với kết quả đánh giá với phân bổ chỉ tiêu và kinh phí. - CT được cung cấp kinh phí đủ và đúng lịch trình

Nguồn lực Thời gian: 3 năm (từ 2010-2012) Nhân sự: Tổ công tác 15 người (gồm lãnh đạo ĐHQG, TTKT, các CT được chuẩn hóa) Kinh phí (tham khảo khung kinh phí của CT1 năm 2009): 7.680 tr						
---	--	--	--	--	--	--

Nhóm chiến lược 4: Khẳng định vị thế của hệ thống đại học nghiên cứu đa ngành

Mục tiêu chiến lược 4: Nâng cao hiệu quả và tầm vóc hoạt động KH&CN						
Chương trình 4.1: Đổi mới cơ chế hoạt động KH&CN						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
<p>Mục tiêu chung: Tạo môi trường NCKH, thúc đẩy những NCKH đỉnh cao</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khai thác hiệu quả nguồn lực KH&CN trong VNU. 2. Động viên các nhà KH lao động sáng tạo <p>Kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế liên kết nhằm khai thác nguồn lực KH&CN trong ĐHQG-HCM. - Hình thành các tổ chức điều phối khai thác các PTN. - Đề tài liên ngành/lĩnh vực <p>Kinh phí (3 tỷ/đề tài/2 năm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiến lược, các chủ trương lớn, các hướng ưu tiên, mũi nhọn KH&CN. - Các quy định về hoạt động KHCN được hoàn thiện. - Cơ chế chính sách đặc biệt về đầu tư và tài chính trong KH&CN (cơ chế chi trả tiền công lao động, cơ chế đầu tư cho tổ chức KH&CN theo kết quả đầu ra) - Số giải thưởng/kinh phí KH&CN: <ul style="list-style-type: none"> + Bài báo + Công trình NCKH tiêu biểu + Số tập thể + Cá nhân 						<ul style="list-style-type: none"> ■ Sự ủng hộ của các bộ/ngành TW. ■ Sự chỉ đạo quyết liệt của BGĐ, sự hỗ trợ của các hội đồng KH-ĐT. ■ Sự hỗ trợ từ các Ban KH&CN, TCCB, KHTC, HTQT, ĐH-SĐH, các đơn vị thành viên, các nhà khoa học...

<p>Hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, triển khai cơ chế liên kết nhằm khai thác hiệu quả mọi nguồn lực KH&CN trong ĐHQG-HCM. - Nâng cao vai trò của Hội đồng KH&ĐT và các hội đồng ngành/nhóm ngành. - Hoàn thiện các quy định quản lý hoạt động KH&CN. - Xây dựng và áp dụng thí điểm một số cơ chế chính sách đặc biệt về đầu tư và tài chính trong KH&CN. - Đẩy mạnh hoạt động Quỹ KH&CN - Hình thành Quỹ khen thưởng KH&CN. 						
---	--	--	--	--	--	--

Chương trình 4.2: Đẩy mạnh hoạt động Quỹ KH&CN ĐHQG-HCM						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
<p>Mục tiêu chung: Đa dạng hóa nguồn lực để phát triển tiềm lực KH&CN của ĐHQG-HCM, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội của đất nước</p>						<p>- Hỗ trợ kinh phí trong giai đoạn đầu hình thành xây dựng Quỹ, cấp vốn bổ sung cho Quỹ ít nhất là 5 năm đầu tiên (4 tỷ/năm) - Xác định rõ vị trí của Quỹ trong hệ thống quản lý</p>
<p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Gia tăng vốn của Quỹ 2. KIỆN TOÀN MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ 3. Đẩy mạnh quan hệ cộng đồng, doanh nghiệp 4. Đẩy mạnh hoạt động tài trợ, cho vay của Quỹ <p>Xây dựng thành công một số doanh nghiệp khoa học, công nghệ</p>						
<p>Kết quả đến 2015:</p> <p>- Vốn của Quỹ:</p> <p>- Số ký kết hợp tác</p> <p>chiến lược:</p>	<p>24.5tỷ</p> <p>1</p> <p>2 tỷ</p> <p>2</p> <p>1</p>	<p>29.5tỷ</p> <p>3</p> <p>4 tỷ</p> <p>2</p> <p>2</p>	<p>34.5tỷ</p> <p>4</p> <p>6tỷ</p> <p>2</p> <p>3</p>	<p>40tỷ</p> <p>5</p> <p>8tỷ</p> <p>2</p> <p>4</p>	<p>46tỷ</p> <p>6</p> <p>12tỷ</p> <p>12/-</p> <p>10tỷ</p> <p>2</p> <p>5</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí NC từ doanh nghiệp: - Số dự án tài trợ/ kinh phí: - Số dự án cho vay/ kinh phí: - Số doanh nghiệp KH&CN: 						<p>KH&CN, CGCN của ĐHQG-HCM, đặc biệt là quan hệ với Ban KH&CN</p>
<p>Hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ Xây dựng mô hình hoạt động Quỹ ■ Hoàn thiện Bộ máy quản lý Quỹ KH&CN ■ Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy của Quỹ ■ Ký kết các hợp tác "tam giác" chiến lược ĐHQG-Tp.HCM-Các tỉnh lân cận-Doanh nghiệp nhằm "thúc đẩy" hợp tác R&D với doanh nghiệp ■ Xây dựng các chương trình R&D tài trợ, đồng tài trợ bởi doanh nghiệp ■ Xây dựng mới các doanh nghiệp KH&CN ■ Thu hồi vốn các Dự án SXTN 						<p>- Quỹ KH&CN là "giao diện" (Interface) của VNU với doanh nghiệp trên phương diện hợp tác R&D, CGCN</p> <p>- Đề nghị cho chuyển các Dự án SXTN sang cho Quỹ KH&CN quản lý</p>

Chương trình 4.3: Phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh và trung tâm xuất sắc						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
<p>Mục tiêu chung: ĐH nghiên cứu hàng đầu VN</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các chính sách ưu đãi: con người, CSVC 2. Kinh phí đề xuất từ nguồn VNU chưa tính các nguồn khác 3. Cơ chế đặc biệt 						<ol style="list-style-type: none"> 1. Các chính sách ưu đãi: con người, CSVC 2. Kinh phí đề xuất từ nguồn

4. Sự hỗ trợ từ các Ban TCCB, KHTC, HTQT, ĐH-SĐH, các đơn vị thành viên						VNU chưa tính các nguồn khác 3. Cơ chế đặc biệt Sự hỗ trợ từ các Ban TCCB, KHTC, HTQT, ĐH-SĐH, các đơn vị thành viên
Mục tiêu cụ thể: Hình thành các NNCM và TTXS						
Kết quả: ■ Nhóm nghiên cứu mạnh: 20 ■ Trung tâm xuất sắc: 3	2 0	5 0	10 1	15 2	20 3	
Hoạt động: ■ Tuyển chọn các nhóm nghiên cứu mạnh ■ Gắn NNCM với PTN trọng điểm ■ Tập trung đầu tư CSVC. ■ Ưu tiên đầu tư kinh phí NCKH để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ các chương trình KH&CN trọng điểm. ■ Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao. ■ Phát triển các hợp tác quốc tế.						

Chương trình 4.4: Nâng cao hiệu quả quan hệ doanh nghiệp, chuyển giao công nghệ						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Mục tiêu chung: Đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế-xã hội đất nước Cơ chế tự chủ đối với TT SHTT, Quỹ KH&CN - Bộ phận chuyên trách phát triển quan hệ cộng đồng, doanh nghiệp - Đảm bảo kinh phí						Cơ chế tự chủ đối với TT SHTT, Quỹ KH&CN - Bộ phận chuyên trách phát triển quan hệ cộng đồng, doanh nghiệp - Đảm bảo kinh phí
Mục tiêu cụ thể: 1. Gia tăng doanh thu từ hoạt động CGCN 2. Tăng số nghiên cứu tài trợ, đồng tài trợ bởi doanh nghiệp Gia tăng đăng ký patent						
Kết quả: - Doanh thu CGCN: tăng ~15%/năm - Tỷ lệ kinh phí NC từ doanh nghiệp/ NSNN: ~1:5 - Số patent						

Hoạt động: ■ Thành lập Trung tâm Sở hữu trí tuệ (TT SHTT)	X	X	X	X	X	
■ Xây dựng cơ chế "đặc biệt" cho Quỹ KH&CN	X	X	X	X	X	
■ Ký kết các hợp tác "tam giác" chiến lược ĐHQG-Tp.HCM-Các tỉnh lân cận - Doanh nghiệp nhằm "thúc đẩy" hợp tác R&D với doanh nghiệp	X	X	X	X	X	
■ Đầu tư nghiên cứu "đẩy" (push) các kết quả nghiên cứu có khả năng chuyển giao	X	X	X	X	X	
■ Xây dựng khu công viên khoa học (VNU Science Park), thúc đẩy hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp (Incubation)	X	X	X	X	X	
■ Xây dựng cơ chế giúp các Trung tâm 115 CGCN hiệu quả						

Nhóm chiến lược 5: Phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất

Mục tiêu chiến lược 5: Tăng nguồn lực tài chính cho các hoạt động của ĐHQG						
Chiến lược 5.1: Cơ sở vật chất được đầu tư phát triển đồng bộ và hiện đại						
Chương trình 5.1.1 - Xây dựng cơ sở vật chất của ĐHQG-HCM tại khu quy hoạch Thủ Đức - Dĩ An						
Chiến lược 5.2- Phát triển và phát huy hiệu quả các quỹ của ĐHQG						
Chương trình 5.2.1- Phát triển các quỹ của ĐHQG						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Mục tiêu chung: Tăng nguồn lực tài chính cho ĐHQG-HCM						- Làm rõ chủ trương đầu tư, có thể tranh thủ nguồn lực của ĐHQG trong đầu tư - Chính sách phối hợp với các đơn vị - Làm rõ khái niệm bảo toàn
Mục tiêu cụ thể 1. Hoàn thiện cơ tổ chức các quỹ 2. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội 3. Phát triển hoạt động dịch vụ và đầu tư 4. Tăng cường hiệu quả sử dụng						

						vốn và cơ chế chi tiêu, chủ trương đầu tư
Kết quả 1. Cuối 2011, hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức các quỹ	- cơ cấu tổ chức (hoàn chỉnh) - các qui chế (chính thức)					
2. Đến 2015, huy động tài trợ và từ hoạt động đầu tư được 35 tỉ	5 tỉ	5 tỉ	6 tỉ	6 tỉ	8 tỉ	
3. Đến 2015, tài trợ Đề tài/Dự án NCKH	300 trđ	500 trđ	500 trđ	700 trđ	1 tỉ	
4. Đến 2015, hỗ trợ SV/GV/ CBVC	300 trđ	500 trđ	500 trđ	700 trđ	1 tỉ	
5. Đến 2015, xây dựng được 3 công trình phục vụ NCKH và ĐT		1 tỉ / 1 công trình	1,5 tỉ / 1 công trình		2 tỉ / 1 công trình	
6. Đến 2015, - xây dựng được 2 công trình phục vụ SV		1,5 tỉ / 1 công trình			2 tỉ / 1 công trình	
Hoạt động						
1. Cơ cấu tổ chức quỹ						
	- hoàn thiện cơ cấu tổ chức					

1.1 Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, các qui chế	- hoàn thiện mạng lưới chi nhánh - hoàn thiện qui chế					
1.2 Xây dựng cơ sở dữ liệu nhà tài trợ và tổ chức tài trợ quốc tế	- hoàn chỉnh data base nhà tài trợ					
1.3 Đẩy mạnh hoạt động PR, giới thiệu quỹ, xây dựng website	- hoàn tất website - chương trình giới thiệu quỹ qua các phương tiện truyền thông. - tổ chức sự kiện - củng cố quan hệ với báo chí	- chương trình giới thiệu quỹ qua các phương tiện truyền thông. - tổ chức sự kiện - củng cố quan hệ với báo chí	- chương trình giới thiệu quỹ qua các phương tiện truyền thông. - tổ chức sự kiện - củng cố quan hệ với báo chí	- chương trình giới thiệu quỹ qua các phương tiện truyền thông. - tổ chức sự kiện - củng cố quan hệ với báo chí	- chương trình giới thiệu quỹ qua các phương tiện truyền thông. - tổ chức sự kiện - củng cố quan hệ với báo chí	- cộng tác với Ban CTSV và Ban Đào tạo để xây dựng mạng lưới quan hệ với báo chí

2. Huy động nguồn lực xã hội

2.1 Tiếp cận các doanh nghiệp/ hiệp hội ngành nghề	- tiếp cận các doanh nghiệp - tiếp cận các hiệp hội ngành nghề địa phương	- tiếp cận các doanh nghiệp - tiếp cận các hiệp hội ngành nghề địa phương	- tiếp cận các doanh nghiệp - tiếp cận các hiệp hội ngành nghề địa phương	- tiếp cận các doanh nghiệp - tiếp cận các hiệp hội ngành nghề địa phương	- tiếp cận các doanh nghiệp - tiếp cận các hiệp hội ngành nghề địa phương	
2.2 Tiếp cận các tổ chức	- xây dựng quan hệ với các quỹ đầu tư trong và ngoài nước	- xây dựng quan hệ với các quỹ đầu tư trong và ngoài nước	- xây dựng quan hệ với các quỹ đầu tư trong và ngoài nước	- xây dựng quan hệ với các quỹ đầu tư trong và ngoài nước	- xây dựng quan hệ với các quỹ đầu tư trong và ngoài nước	

3. Phát triển hoạt động dịch vụ và đầu tư						
3.1 Phát triển các hoạt động dịch vụ	- Triển khai các dịch vụ (đào tạo, tư vấn, NCKH,...)	- Triển khai các dịch vụ (đào tạo, tư vấn, NCKH, ...)	- Triển khai các dịch vụ (đào tạo, tư vấn, NCKH, ...)	- Triển khai các dịch vụ (đào tạo, tư vấn, NCKH, ...)	- Triển khai các dịch vụ (đào tạo, tư vấn, NCKH, ...)	- Dựa vào năng lực và sự tham gia của các đơn vị thành viên và
3.2 Triển khai các hoạt động đầu tư	- Tìm kiếm cơ hội đầu tư - Xây dựng phương án đầu tư - Triển khai hoạt động đầu tư	- Tìm kiếm cơ hội đầu tư - Xây dựng phương án đầu tư - Triển khai hoạt động đầu tư	- Triển khai hoạt động đầu tư	- Triển khai hoạt động đầu tư	- Triển khai hoạt động đầu tư	
4. Tăng cường hiệu quả sử dụng						
4.1 Chương trình hỗ trợ SV/GV/ CBVC	- Học bổng - Hỗ trợ khó khăn	- Học bổng - Hỗ trợ khó khăn	- Học bổng - Hỗ trợ khó khăn	- Học bổng - Hỗ trợ khó khăn	- Học bổng - Hỗ trợ khó khăn	
4.2 Chương trình hỗ trợ NCKH	- Đề tài NCKH SV - Đề tài NCKH GV	- Đề tài NCKH SV - Đề tài NCKH GV	- Đề tài NCKH SV - Đề tài NCKH GV	- Đề tài NCKH SV - Đề tài NCKH GV	- Đề tài NCKH SV - Đề tài NCKH GV	
4.3 Chương trình hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất	- xây dựng đề án	- đầu tư 1 công trình ĐT/NCKH - đầu tư 1 công trình SV	- đầu tư 1 công trình ĐT/NCKH	- đầu tư 1 công trình SV	- đầu tư 1 công trình ĐT/ NCKH	

Chiến lược 5.3: Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ và hợp tác đầu tư của ĐHQG-HCM						
Chương trình 5.3.1: Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ của ĐHQG-HCM						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Mục tiêu chung: Tăng nguồn lực tài chính cho ĐHQG-HCM						Các đơn vị thành viên và trực thuộc phối hợp thực hiện
Mục tiêu cụ thể 1. Phục vụ cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên, học sinh và cộng đồng: các hoạt động văn thể mỹ, ăn uống, giải trí, mua sắm, ... 2. Bổ sung các kỹ năng, tư vấn cho sinh viên và cộng đồng						
Kết quả Tăng cường nguồn lực tài chính cho ĐHQG-HCM (Doanh thu)						
Hoạt động 1. Các dịch vụ công ích						
2. Dịch vụ: Tuyển sinh, tư vấn, giới thiệu ngành nghề, các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, ngoại ngữ, tin học, ...						
3. Các dịch vụ phục vụ sinh viên: Ký túc xá, canteen, mua sắm, nhà sách, nhà văn hóa sinh viên, văn phòng phẩm, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí, ...						

Chương trình 5.3.2: Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác đầu tư						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Mục tiêu chung: Tăng nguồn lực tài chính cho ĐHQG-HCM Mục tiêu cụ thể 1. Xây dựng các cơ sở phục vụ đào tạo, NCKH, ươm tạo công nghệ, chuyển giao công nghệ và , ... 2. Xây dựng các công trình phục vụ sinh viên, CB, viên chức, công chức và cộng đồng về các hoạt động văn thể mỹ, chăm sóc sức khỏe, ăn uống, giải trí, mua sắm, 3. Xây dựng các trung tâm KHCN, khoa học tự nhiên, khoa học XH nhân văn tại các cơ sở nội thành.						
Kết quả Tăng cường nguồn lực tài chính cho ĐHQG-HCM. Các công trình hợp tác đầu tư	4 Công trình	4 Công trình	6 Công trình	4 Công trình	5 Công trình	- Củng cố và tăng cường năng lực các đơn vị xúc tiến

						đầu tư - Nắm vững các hệ thống pháp lý về đầu tư - Có sự phối hợp và hỗ trợ chặt chẽ của các đơn vị liên quan
Hoạt động 1. Hoàn thiện cơ chế kêu gọi đầu tư						
2. Tổ chức giới thiệu các công trình	4 Công trình: - Hồ nước - Trồng hoa lan cây cảnh - Chung cư CB-CC-VC - Hồ bơi - Nhà văn hóa sinh viên ĐHQG-HCM	4 Công trình - TT Thương mại - Nhà ăn khu TDTT 1 -DV ở các tầng trệt tòa nhà khu KTX B - Sân bóng, TDTT 1	6 Công trình - Bệnh viện - Siêu thị - Bến xe khu KTX sinh viên - Rạp hát - Dự án đầu tư ở địa phương	4 Công trình - Khu CNPM gđ2 - Bệnh viện Khoa Y - Nhà thi đấu đa năng có máy che TDTT 1 - Dự án đầu tư ở địa phương	5 Công trình - 3 Trung tâm của ĐHQG-HCM tại các cơ sở nội thành - Bến xe chính ĐHQG-HCM - Dự án đầu tư ở địa phương 3. Triển khai ký kết, hợp tác các công trình	
3. Triển khai ký kết, hợp tác các công trình						

Chiến lược 5.4: Tăng hiệu suất và tiết kiệm						
Chương trình 5.4.1: Hợp lý hóa các hoạt động để nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn lực						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Mục tiêu chung: Hiệu quả trong việc sử dụng nguồn lực Mục tiêu cụ thể 1. Hợp lý hóa các hoạt động để nâng cao hiệu quả sử dụng. 2. Tiết kiệm nguồn lực						- Sự phối hợp thực hiện của các đơn vị thành viên và trực thuộc - Sự đồng thuận của CB, CC, VC, Sinh viên và học sinh
Kết quả 1. Tiết kiệm được chi phí vận hành và chi phí đầu tư không cần thiết để đầu tư cho các công việc trọng điểm	5% chi phí	5% chi phí	5% chi phí	5% chi phí	5% chi phí	
2. Hiệu quả và chất lượng hoạt động được nâng cao						
Hoạt động 1. Hợp lý hóa các hoạt động để nâng cao hiệu quả sử dụng 1.1. Đẩy mạnh việc sử dụng chung nguồn nhân lực 1.2. Đẩy mạnh việc xây dựng và khai thác CSVC dùng chung 1.3. Hợp lý hóa thủ tục, tiết giảm chi phí hành chính 1.4. Tối ưu hóa việc bố trí giảng dạy của giảng viên 1.5. Cải tiến chế độ trả lương						
2. Tiết kiệm nguồn lực 2.1. Tiết giảm hợp lý chi phí khai thác và vận hành. Triển khai chương trình tiết kiệm năng lượng 2.2 Kiểm soát việc khai thác và vận hành theo mục tiêu "Dự án" 2.3. Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá trong công tác quản lý.						

MỤC LỤC

* Giới thiệu	5
PHẦN I.	
Chiến lược phát triển ĐHQG-HCM giai đoạn 2011 - 2015	
I. Tổng quan	12
II. Các nhóm chiến lược phát triển ĐHQG-HCM giai đoạn 2011 - 2015	13
1. Nhóm chiến lược 1: Nâng cao hiệu quả quản trị toàn hệ thống	13
2. Nhóm chiến lược 2: Văn hóa đại học ĐHQG-HCM	14
3. Nhóm chiến lược 3: Chất lượng đào tạo đạt chuẩn mực quốc tế	15
4. Nhóm chiến lược 4: Khẳng định vị thế đại học nghiên cứu	17
5. Nhóm chiến lược 5: Phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn lực	18
III. Các mũi đột phá:	20
Phần II.	
Tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả	
Phần III.	
Phụ lục	
1. Hệ thống các chỉ tiêu	24
2. Tổng hợp chiến lược và các chương trình	26

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC ĐHQG TP.HCM
GIAI ĐOẠN 2011-2015

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban

PGS. TS. Phan Thanh Bình

Phó Trưởng ban

PGS. TS. Lê Quang Minh

Ủy viên

PGS. TS. Huỳnh Thành Đạt

TS. Nguyễn Đức Nghĩa

BAN SOẠN THẢO

Trưởng ban

PGS. TS. Lê Quang Minh

Ủy viên

PGS. TS. Hoàng Dũng

ThS. Lê Trung Hiếu

PGS. TS. Trần Thị Hồng

TS. Lê Thành Long

TS. Lê Thị Thanh Mai

PGS. TS. Nguyễn Hội Nghĩa

CN Ngô Đình Thành

TS. Nguyễn Tiến Dũng

ThS. Lê Thị Anh Trâm

TS. Vũ Thị Phương Anh

ThS. Lê Nguyễn Đức Chính

Tổ thư ký

ThS. Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

ThS. Nguyễn Thị Thúy Vân

CN. Nguyễn Minh Huyền Trang

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

Chịu trách nhiệm xuất bản: **TS. Huỳnh Bá Lân**

In 1000 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty in Báo Nhân dân
Quyết định xuất bản số 272/QĐ-ĐHQG TP.HCM ngày 20/12/2010
của Nhà xuất bản ĐHQG TP.HCM.
Nộp lưu chiểu tháng 12.2010